

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đồng
Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 339/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc V, sinh năm 1989;

Địa chỉ, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Thái Minh D, sinh năm 1984;

Địa chỉ, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, Trần Ngọc V có mặt Thái Minh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Ngọc V trình bày:

- Về hôn nhân: Trần Ngọc V và Thái Minh D qua một thời gian tìm hiểu và đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chị và Thái Minh D chung sống với nhau đến khoảng năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Hiện tại, Trần Ngọc V xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do vậy, Trần Ngọc V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Thái Minh D.

- Về con chung: quá trình chung sống Trần Ngọc V và Thái Minh D không có con chung.

- Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Thái Minh D, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng Thái Minh D đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Trần Ngọc V.

Tại phiên tòa chỉ Trần Ngọc V có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Trần Ngọc V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Thái Minh D. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Trần Ngọc V được xác định vụ án có quan hệ pháp luật: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Anh Thái Minh D là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Đông A, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Anh Thái Minh D là bị đơn trong vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Thái Minh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Ngọc V và anh Thái Minh D có đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43-2011, ngày 04 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của Trần Ngọc V và Thái Minh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trần Ngọc V trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và Thái Minh D không còn chung sống từ khoảng tháng 12 năm 2018 cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa. Trần Ngọc V có yêu cầu ly hôn với Thái Minh D.

Trong quá trình giải quyết vụ án Thái Minh D đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa Trần Ngọc V và Thái Minh D được, Thái Minh D lại bỏ mặc để cho Trần Ngọc V tự giải quyết, không có thiện chí hàn gắn và cũng không đến Tòa án để tham gia hòa giải.

Xét thấy, giữa Trần Ngọc V và Thái Minh D không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện tại anh chị đã không chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của Trần Ngọc V và Thái Minh D lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Trần Ngọc V để giải quyết cho Trần Ngọc V được ly hôn với Thái Minh D.

[2.2] Về con chung: Trần Ngọc V trình bày quá trình chung sống không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trần Ngọc V trình bày không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với Thái Minh D thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này Thái Minh D có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Ngọc V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Trần Ngọc V đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002170 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc V. Chị Trần Ngọc V được ly hôn với anh Thái Minh D.

2. Về con chung: Chị Trần Ngọc V trình bày không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Ngọc V trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Ngọc V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Ngọc V đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí

lệ phí Tòa án số 0002170 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Trần Ngọc V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ